

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
NHẬT BẢN**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
đã được kiểm toán



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
*AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)*

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers.  
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản lý chuyên nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

---



**NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-30
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-30

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 239/UBCK-GP ngày 20 tháng 05 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 310/UBCK-GP ngày 11 tháng 03 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 01 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty: Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa	Ủy viên
Ông Aizawa Motoya	Ủy viên
Ông Hiramoto Hiroshi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hiramoto Hiroshi	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Ngọc Diệp	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Mai Lan	Ủy viên
Bà Đặng Thị Thanh Huyền	Ủy viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Mizumoto Hiroshi

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013

141/2013/CTCP 10/1



Số: 86 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản



**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản được lập ngày 29 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2013

**Lê Đức Minh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1628/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>58.059.982.749</b>	<b>45.081.536.375</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	15.305.542.029	42.854.745.857
111	1. Tiền		12.305.542.029	6.854.745.857
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	36.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	30.000.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		30.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	12.077.030.725	1.636.011.604
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	1.004.300
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		11.436.947.950	1.171.637.345
138	5. Các khoản phải thu khác		670.224.764	463.369.959
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(30.141.989)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		677.409.995	590.778.914
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		463.696.836	504.665.414
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	127.599.659	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	86.113.500	86.113.500
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.244.559.075</b>	<b>1.968.017.960</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	6.764.787.136	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		6.764.787.136	-
220	II. Tài sản cố định		1.090.660.370	1.674.562.568
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	766.052.271	1.338.118.922
222	- Nguyên giá		3.773.761.350	3.715.670.441
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.007.709.079)	(2.377.551.519)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	324.608.099	336.443.646
228	- Nguyên giá		2.018.838.620	1.687.774.220
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.694.230.521)	(1.351.330.574)
260	V. Tài sản dài hạn khác		389.111.569	293.455.392
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	321.087.181	225.431.004
268	4. Tài sản dài hạn khác		68.024.388	68.024.388
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>66.304.541.824</b>	<b>47.049.554.335</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>22.704.746.387</b>	<b>4.209.459.857</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		22.704.746.387	4.209.459.857
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	10.343.854.771	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	115.896.611	221.687.137
315	5. Phải trả người lao động		82.816.000	107.049.242
316	6. Chi phí phải trả	15	705.373.248	666.684.633
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	11.456.805.706	3.212.097.845
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	1.941.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		51	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>43.599.795.437</b>	<b>42.840.094.478</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	43.599.795.437	42.840.094.478
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	41.000.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	109.366
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		147.387.195	31.710.151
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		165.598.660	31.710.151
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.286.809.582	1.776.564.810
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>66.304.541.824</b>	<b>47.049.554.335</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký		183.244.340.000	123.375.810.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		172.143.430.000	118.991.180.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		74.420.930.000	71.978.570.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		97.722.500.000	47.012.610.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	175.400.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	175.400.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		11.009.800.000	3.750.900.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		6.417.300.000	3.722.100.000
030	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài		4.592.500.000	28.800.000
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	458.330.000
034	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước		-	8.860.000
035	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài		-	449.470.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		91.110.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		87.700.000	-
040	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài		3.410.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		1.187.450.000	913.200.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		1.187.450.000	913.200.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.112.250.000	913.200.000
054	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		75.200.000	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		80.000.000	-

100%  
 CHỨNG  
 KẾ TÍNH  
 H

Đoàn Thị Hồng  
Kế toán trưởng



Hiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2013



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	17.511.973.915	14.655.629.942
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		11.783.110.347	7.127.766.192
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		-	1.540.542.910
01.9	Doanh thu khác		5.728.863.568	5.987.320.840
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	17.167.346	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	17.494.806.569	14.655.629.942
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	9.486.291.206	8.846.542.900
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		8.008.515.363	5.809.087.042
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	4.952.785.455	4.708.345.896
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.055.729.908	1.100.741.146
31	8. Thu nhập khác		-	506.968.178
40	10. Lợi nhuận khác		-	506.968.178
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.055.729.908	1.607.709.324
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	768.920.326	401.927.329
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.286.809.582</u>	<u>1.205.781.995</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	558	294

TH  
NG  
NG  
A VU  
DINH  
KIET  
4/1/13

*AM*  
Đoàn Thị Hồng  
Kế toán trưởng



*H*  
Hiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.055.729.908	1.607.709.324
02	- Khấu hao tài sản cố định		973.057.507	1.610.662.074
03	- Các khoản dự phòng		30.141.989	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		19.951.395	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.070.821.237)	(5.843.035.886)
06	- Chi phí lãi vay		79.882.317	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(912.058.121)	(2.624.664.488)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.723.765.886)	1.458.206.395
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.246.734.463	2.848.060.502
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		40.968.578	(200.853.802)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(79.882.317)	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.026.501.762)	(483.346.590)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.800.137.344	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.074.530.123)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(10.728.897.824)	997.402.017
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(389.155.309)	(10.760.000)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(30.000.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.650.638.083	5.843.035.886
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.738.517.226)	5.832.275.886
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		12.058.466.436	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.714.611.665)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.405.582.788)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.938.271.983	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(27.529.143.067)	6.829.677.903

[CHỖ DÁN CHỮ ĐÓNG CHẤM]  
 [CHỖ DÁN CHỮ ĐÓNG CHẤM]  
 [CHỖ DÁN CHỮ ĐÓNG CHẤM]

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		42.854.745.857	36.026.343.906
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(20.060.761)	(1.275.952)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>15.305.542.029</u>	<u>42.854.745.857</u>

*AM*

Đoàn Thị Hồng  
Kê toán trưởng



*HHA*

Hiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2013



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

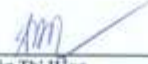
Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2012

Năm 2012	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		109.366	(109.366)	-	-
Quỹ dự phòng tài chính		31.710.151	115.677.044	-	147.387.195
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		31.710.151	133.888.509	-	165.598.660
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.776.564.810	2.286.809.582	(1.776.564.810)	2.286.809.582
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>17</b>	<b>42.840.094.478</b>	<b>2.536.265.769</b>	<b>(1.776.564.810)</b>	<b>43.599.795.437</b>

Năm 2011	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.385.318	-	(1.275.952)	109.366
Quỹ dự phòng tài chính		31.710.151	-	-	31.710.151
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		31.710.151	-	-	31.710.151
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		570.782.815	1.205.781.995	-	1.776.564.810
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>17</b>	<b>41.635.588.435</b>	<b>1.205.781.995</b>	<b>(1.275.952)</b>	<b>42.840.094.478</b>

  
Đoàn Thị Hồng  
Kế toán trưởng

  
Hiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**

**1 . THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 239/UBCK-GP ngày 20 tháng 05 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 310/UBCK-GP ngày 11 tháng 03 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 01 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty: Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 41.000.000.000 đồng; tương đương 4.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

### Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, trái phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của người đầu tư	212.690.408	3.293.149.535.400
- Cổ phiếu	212.690.408	3.293.149.535.400
	<b>212.690.408</b>	<b>3.293.149.535.400</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng	1.036.483.535	3.646.493.434
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	11.269.058.494	3.208.252.423
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	36.000.000.000
	<b>15.305.542.029</b>	<b>42.854.745.857</b>

(\*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy theo hợp đồng số 01131112/HDTG-BIDV.CG ngày 13/11/2012.

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	30.000.000.000	-
	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, lãi suất 11% năm. Lãi trả sau, tiền gốc và lãi trả một lần vào ngày đáo hạn.

105  
105  
105  
105  
105

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Tổng số dự phòng đề lập
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số chẵn đời VND	Tổng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số chẵn đời VND	
3. Phải thu với bộ phận hợp	1.004.300	-	-	-	1.004.300	-	-	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khốn	1.171.637.345	-	-	331.170.843.224	328.505.532.619	11.486.347.958	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	228.193.152	-	-	6.102.320.781	9.122.232.812	268.263.121	-	-	-
- Phải thu hợp đồng mua bán khách hàng trong nước	-	-	-	62.913.028.934	52.596.643.881	10.406.387.053	-	-	-
- Các khoản tiền bán chứng khoán cho khách hàng	943.442.193	-	-	259.093.493.509	259.276.637.926	762.297.776	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	463.269.939	-	-	13.205.401.648	13.002.546.840	678.224.764	60.283.977	-	(10.141.989)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	122.705.740	-	-	3.083.072.501	2.662.889.347	542.988.694	-	-	-
- Phải thu khác	340.564.199	-	-	10.126.329.147	10.339.657.493	125.335.870	60.283.977	-	(10.141.989)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.636.011.684</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>344.380.244.872</b>	<b>333.909.080.762</b>	<b>12.167.172.714</b>	<b>60.283.977</b>	<b>-</b>	<b>(10.141.989)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

<b>Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:</b>		
	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Số trích lập/hoàn nhập trong năm	(30.141.989)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>(30.141.989)</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC</b>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	127.599.659	-
	<b><u>127.599.659</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	86.113.500	86.113.500
	<b><u>86.113.500</u></b>	<b><u>86.113.500</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BÀN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
theo năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**9 . CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN**

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Tổng số từ phòng
	Tổng số	Số quá hạn	Số không	Tổng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số không	đi lại
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>4. Phải thu dài hạn khác (*)</b>	-	-	-	<b>6.764.787.136</b>	-	<b>6.764.787.136</b>	-	-	-
Phải thu Ông Ngô Lê Quý	-	-	-	1.907.197.099	-	1.907.197.099	-	-	-
Phải thu Ông Vũ Mạnh Hùng	-	-	-	4.848.573.318	-	4.848.573.318	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	8.016.719	-	8.016.719	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	-	-	-	<b>6.764.787.136</b>	-	<b>6.764.787.136</b>	-	-	-

(\*) Phần lớn khoản phải thu dài hạn từ theo hợp đồng dịch vụ hỗ trợ tài chính giữa nhà đầu tư và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy mà tại thời điểm 31/12/2012, giá trị tiền hỗ trợ theo hợp đồng đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bàn trả thay cho nhà đầu tư. Khoản phải thu dài hạn từ được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm có trong tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư và một số tài khoản bảo lãnh của cơ theo hợp đồng (v) quỹ giao dịch chứng khoán giữa nhà đầu tư và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bàn.

(12/12) (12/12) (12/12) (12/12) (12/12) (12/12) (12/12) (12/12) (12/12) (12/12)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	1.135.814.649	2.579.855.792	3.715.670.441
Số tăng trong năm	-	58.090.909	58.090.909
- Mua sắm mới	-	58.090.909	58.090.909
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.135.814.649	2.637.946.701	3.773.761.350
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	252.624.754	2.124.926.765	2.377.551.519
Số tăng trong năm	189.302.436	440.855.124	630.157.560
- Trích khấu hao	189.302.436	440.855.124	630.157.560
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	441.927.190	2.565.781.889	3.007.709.079
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	883.189.895	454.929.027	1.338.118.922
Số dư cuối năm	693.887.459	72.164.812	766.052.271

Trong đó

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.440.195.320 đồng.

**11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	1.495.502.400	192.271.820	1.687.774.220
Số tăng trong năm	331.064.400	-	331.064.400
- Mua sắm mới	17.564.400	-	17.564.400
- Nâng cấp phần mềm	313.500.000	-	313.500.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.826.566.800	192.271.820	2.018.838.620
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	1.205.570.974	145.759.600	1.351.330.574
Số tăng trong năm	302.724.832	40.175.115	342.899.947
- Trích khấu hao	302.724.832	40.175.115	342.899.947
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.508.295.806	185.934.715	1.694.230.521
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	289.931.426	46.512.220	336.443.646
Số dư cuối năm	318.270.994	6.337.105	324.608.099



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	180.444.497	105.431.004
Tiền lãi phân bổ trong năm	20.642.684	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>321.087.181</b>	<b>225.431.004</b>

**13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	01/01/2012	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	12.058.466.436	(1.714.611.665)	10.343.854.771
- Ngân hàng	-	12.058.466.436	(1.714.611.665)	10.343.854.771
	-	12.058.466.436	(1.714.611.665)	10.343.854.771

Chi tiết các khoản vay:	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (*)	10.343.854.771	-
	<b>10.343.854.771</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (\*) Hợp đồng cấp hạn mức thanh toán số 311012/HĐ.HMTT/HTH-CKNB ngày 31 tháng 10 năm 2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp hạn mức thanh toán năm 2012 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cấp hạn mức thanh toán số tiền: 28.500.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: được sử dụng để bù đắp thiếu hụt tài chính tạm thời phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ các giao dịch điều chuyển vốn nội bộ và thanh toán nợ vay tại BIDV;
  - + Thời hạn vay: đến hết ngày 25/11/2013;
  - + Lãi suất cho vay: 12,5%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại BIDV.

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	927.138	5.179.494
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	129.981.777
Thuế Thu nhập cá nhân	114.969.473	86.525.866
	<b>115.896.611</b>	<b>221.687.137</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phí giao dịch, phí lưu ký	52.016.127	61.494.632
Chi phí kiểm toán	60.000.000	88.358.178
Chi phí phải trả khác	593.357.121	516.831.823
	<u>705.373.248</u>	<u>666.684.633</u>

**16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.269.058.494	3.208.252.423
Phải trả cổ tức cho cổ đông	29.417.212	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	158.330.000	3.845.422
	<u>11.456.805.706</u>	<u>3.212.097.845</u>



**17 - VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NĂM 2011</b>						
Số dư đầu năm	41.000.000.000	1.385.318	31.710.151	31.710.151	570.782.815	41.635.588.435
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.205.781.995	1.205.781.995
Giảm khác	-	(1.275.952)	-	-	-	(1.275.952)
Số dư cuối năm	41.000.000.000	109.366	31.710.151	31.710.151	1.776.564.810	42.840.894.478
<b>NĂM 2012</b>						
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.286.809.582	2.286.809.582
Trích lập các quỹ	-	-	115.677.044	133.888.509	(249.565.553)	-
Trích lập quỹ KT-PL	-	-	-	-	(91.999.257)	(91.999.257)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(1.435.000.000)	(1.435.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(109.366)	-	-	-	(109.366)
Số dư cuối năm	41.000.000.000	-	147.387.195	165.598.669	2.286.809.582	43.599.795.437

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công ty Cổ phần Dầu khí và Xuất nhập khẩu Vigasera	4.100.000.000	10,00%	4.100.000.000	10,00%
Vốn góp của Công ty Chứng khoán Aizawa	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000	14,50%
Vốn góp của Japan Asia Holdings Limited	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000	14,50%
Vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư Tammark	8.200.000.000	20,00%	8.200.000.000	20,00%
Vốn góp của đối tượng khác	16.810.000.000	41,00%	16.810.000.000	41,00%
	41.000.000.000	100%	41.000.000.000	100%



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	41.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	41.000.000.000	41.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	41.000.000.000	41.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.435.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.435.000.000	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>17.511.973.915</b>	<b>14.655.629.942</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	11.783.110.347	7.127.766.192
- Doanh thu hoạt động tư vấn	-	1.540.542.910
- Doanh thu khác	5.728.863.568	5.987.320.840
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(17.167.346)</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>17.494.806.569</b>	<b>14.655.629.942</b>

**19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.126.692.417	739.475.076
Chi phí khác	99.833.712	-
Chi phí trợ cấp chung	8.259.765.077	8.107.067.824
- Chi phí nhân viên	4.161.858.947	3.781.526.247
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	21.735.000	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	656.850.759	1.153.525.728
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.419.320.371	3.172.015.849
<b>9.486.291.206</b>	<b>9.486.291.206</b>	<b>8.846.542.900</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.484.725.048	2.357.416.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	316.206.748	454.575.864
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.046.786.558	1.768.279.014
Chi phí khác bằng tiền	102.067.101	125.074.743
	<b>4.952.785.455</b>	<b>4.708.345.896</b>

**21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.055.729.908	1.607.709.324
Các khoản điều chỉnh tăng	19.951.395	-
- Chi phí không hợp lệ	19.951.395	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	3.075.681.303	1.607.709.324
- Thu nhập tính thuế còn lại	3.075.681.303	1.607.709.324
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	768.920.326	401.927.329
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>768.920.326</b>	<b>401.927.329</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm:	129.981.777	211.401.031
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.026.501.762)	(483.346.583)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(127.599.659)</b>	<b>129.981.777</b>

**22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.286.809.582	1.205.781.995
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.286.809.582	1.205.781.995
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.100.000	4.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>558</b>	<b>294</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.305.542.029	-	42.854.745.857	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.436.947.950	-	1.171.637.345	-
Phải thu khác	7.435.011.900	(30.141.989)	463.369.959	-
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	-	-
	<b>64.177.501.879</b>	<b>(30.141.989)</b>	<b>44.489.753.161</b>	<b>-</b>
			Giá trị số kế toán	
			31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			10.343.854.771	-
Chi phí phải trả			705.373.248	666.684.633
Phải trả khác			11.456.805.706	3.212.097.845
			<b>22.506.033.725</b>	<b>3.878.782.478</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại 31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.305.542.029	-	-	15.305.542.029
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.436.947.950	-	-	11.436.947.950
Phải thu khác	640.082.775	6.764.787.136	-	7.404.869.911
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
	<u>57.382.572.754</u>	<u>6.764.787.136</u>	<u>-</u>	<u>64.147.359.890</u>
<b>Tại 01/01/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.854.745.857	-	-	42.854.745.857
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.171.637.345	-	-	1.171.637.345
Phải thu khác	463.369.959	-	-	463.369.959
	<u>44.489.753.161</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.489.753.161</u>

1001  
CỔ  
HỖNH  
DỊCH  
ÁI CHẾ  
KIẾ  
DANA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại 31/12/2012</b>				
Vay và nợ	10.343.854.771	-	-	10.343.854.771
Chi phí phải trả	705.373.248	-	-	705.373.248
Phải trả khác	11.456.805.706	-	-	11.456.805.706
	<u>22.506.033.725</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.506.033.725</u>
<b>Tại 01/01/2012</b>				
Chi phí phải trả	666.684.633	-	-	666.684.633
Phải trả khác	3.212.097.845	-	-	3.212.097.845
	<u>3.878.782.478</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.878.782.478</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**24 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẪM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	11.269.058.494	3.208.252.423
	<u>11.269.058.494</u>	<u>3.208.252.423</u>

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TTO  
G T  
CWH  
U TU  
IÉT  
TTO  
M-7

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.783.110.347	5.711.696.222	17.494.806.569
Chi phí trực tiếp	1.126.692.417	8.359.598.789	9.486.291.206
Chi phí phân bổ	-	-	4.952.785.455
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.656.417.930</b>	<b>(2.647.902.567)</b>	<b>3.055.729.908</b>
Tài sản bộ phận	11.590.145.675	18.201.735.086	29.791.880.761
Tài sản không phân bổ	-	-	36.512.661.063
<b>Tổng tài sản</b>	<b>11.590.145.675</b>	<b>18.201.735.086</b>	<b>66.304.541.824</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	11.269.058.494	-	11.269.058.494
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	11.435.687.893
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>11.269.058.494</b>	<b>-</b>	<b>22.704.746.387</b>

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động trong nước và một phần hoạt động từ Nhật Bản. Tuy nhiên hoạt động trong nước chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ các hoạt động của toàn Công ty.

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Phí môi giới chứng khoán</b>			
- Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	35.944.108	312.753.000
- Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đồng góp vốn	56.708.475	1.268.728.305
<b>Phí dịch vụ cung cấp thông tin</b>			
- Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	316.953.023	200.400.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
<b>Phải thu phí và thuế bán chứng khoán</b>			
- Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	3.546.772	63.127.166
- Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đông góp vốn	139.123.545	85.617.742
<b>Phải thu khác</b>			
- Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	24.437.218	27.318.000
- Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đông góp vốn	-	118.015.296

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	487.099.998	395.352.000

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.

Đoàn Thị Hồng  
Kế toán trưởngHiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2013